



Trung tâm Tin học và
Thống kê

Cục Chế biến và Phát triển
thị trường nông sản

Viện Chính sách và Chiến lược
Phát triển nông nghiệp nông thôn

THÔNG TIN THAM KHẢO ĐỊNH KỲ VỀ THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THÁNG 11/2020

1

Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 11 năm 2020 ước đạt 3,72 tỷ USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu 11 tháng đầu năm 2020 đạt 37,4 tỷ USD, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 16,76 tỷ USD, giảm 0,5%; giá trị xuất khẩu chăn nuôi ước đạt 297 triệu USD, giảm 18,5%; giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt gần 7,75 tỷ USD, giảm 0,9%; và giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 11,65 tỷ USD, tăng 15% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong khi đó, ước giá trị nhập khẩu nông, lâm, thủy sản tháng 11 năm 2020 đạt gần 2,64 tỷ USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu 11 tháng đầu năm 2020 đạt gần 28,06 tỷ USD, giảm 0,2% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá trị nhập khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản chính ước đạt 22,32 tỷ USD, giảm 1,4% so với cùng kỳ năm 2019.

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ NÔNG SẢN CHỦ LỰC

1. Lúa gạo

Khối lượng gạo xuất khẩu tháng 11/2020 ước đạt 388 nghìn tấn với giá trị đạt 207 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo 11 tháng đầu năm 2020 đạt 5,74 triệu tấn và 2,85 tỷ USD, giảm 2,2% về khối lượng nhưng tăng 10,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Tính trong 10 tháng đầu năm 2020, Philippin đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam với 32,9% thị phần, đạt 1,86 triệu tấn và 868,66 triệu USD, giảm 4,3% về khối lượng nhưng tăng 8,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Các thị trường có giá trị xuất khẩu gạo tăng mạnh là: Indonesia, tăng gấp 3,1 lần, đạt 83,8 nghìn tấn và 45,6 triệu USD và Trung Quốc, tăng 79,2%, đạt 657,6 nghìn tấn và 379,6 triệu USD. Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu gạo giảm mạnh nhất trong 10 tháng đầu năm 2020 là Iraq (giảm 65,6%) đạt 90 nghìn tấn

và 47,6 triệu USD. Giá gạo xuất khẩu bình quân 10 tháng đầu năm 2020 đạt 493,3 USD/tấn, tăng 12,7% so với cùng kỳ năm 2019.

Về chủng loại xuất khẩu, trong 10 tháng năm 2020, giá trị xuất khẩu gạo trắng chiếm 40,3% tổng kim ngạch; gạo jasmine và gạo thơm chiếm 37,7%; gạo nếp chiếm 17,6%; gạo japonica và gạo giống Nhật chiếm 4,2%. Các thị trường xuất khẩu gạo trắng lớn nhất của Việt Nam là Philippin (chiếm 54,5%), Malaysia (chiếm 13,4%) và Cuba (chiếm 8,8%). Với gạo jasmine và gạo thơm, thị trường xuất khẩu lớn nhất là Philippin (chiếm 26,4%), Ghana (chiếm 21,2%) và Bờ Biển Ngà (chiếm 14,8%). Với gạo nếp, thị trường xuất khẩu lớn là Trung Quốc (chiếm 72,4%), Indonesia (chiếm 8,0%), và Philippin (chiếm 7,0%). Với gạo japonica và gạo giống Nhật, thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam là Kiribati (chiếm 17,5%), Đảo quốc Solomon (chiếm 15,7%), và Trung Quốc (chiếm 6,9%).

Trong gần một tháng qua, giá gạo 5% tấm của Việt Nam có xu hướng tăng nhẹ từ mức khoảng 495 USD/tấn vào đầu tháng lên khoảng 498 USD/tấn vào gần cuối tháng. Trong khi đó, giá gạo 5% tấm của Thái Lan có xu hướng tăng mạnh từ 466 USD/tấn vào đầu tháng lên 480 USD/tấn vào gần cuối tháng. Nguyên nhân chính là do nguồn cung từ vụ mới chậm đưa ra thị trường khiến tình trạng khan hiếm làm giảm giá xảy ra. Còn giá gạo Ấn Độ giảm nhẹ từ 373 USD/tấn vào đầu tháng xuống 368 USD/tấn vào gần cuối tháng. Nguyên nhân chính là do đồng Rupee có xu hướng giảm giá.

2

Tại thị trường trong nước, giá lúa, gạo tại các tỉnh ĐBSCL diễn biến tăng, giảm trái chiều trong tháng 11, song nhìn chung giá tăng nhẹ so với tháng 10/2020. Cụ thể, tại An Giang, lúa IR50404 tăng 200 đồng/kg lên mức 6.200 đồng/kg; lúa OM 2514 tăng 400 đồng/kg lên mức 6.300 đồng/kg; lúa gạo thường ở mức 10.500 đồng/kg; gạo thơm đặc sản jasmine ở mức 14.500 đồng/kg. Tại Kiên Giang, giá lúa giảm do mưa bão gây ngập úng, với lúa IR50404 giảm 200 đồng/kg xuống còn 6.600 – 6.800 đồng/kg; lúa OM 6976 ở mức 6.900 – 7.200 đồng/kg; lúa OM 5451 giảm 200 đồng/kg xuống 7.000 – 7.100 đồng/kg. Tại Vĩnh Long, lúa IR50404 tại huyện Vũng Liêm được ghi nhận ở mức cao, 6.000 đồng/kg lúa tươi và 6.800 đồng/kg lúa khô; lúa hạt dài tươi ở mức 6.300 đồng/kg, lúa khô ở mức 6.900 đồng/kg.

Một số nhận định và dự báo: Dự kiến tháng 12 và thời gian tới giá gạo sẽ bình ổn trở lại, do nguồn cung từ vụ Thu – Đông đang vơi dần và cung từ lúa Đông Xuân sẽ bắt đầu từ 1 – 2 tháng tới.

2. Rau quả

Giá trị xuất khẩu rau quả tháng 11 năm 2020 ước đạt 280 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu rau quả 11 tháng đầu năm 2020 đạt 3,01 tỷ USD, giảm 11,7% so với cùng kỳ năm 2019. Trong 10 tháng đầu năm 2020, Trung Quốc đứng vị trí thứ nhất về thị trường nhập khẩu rau quả của Việt Nam với 56,8% thị phần. Giá trị xuất khẩu rau quả

sang thị trường này trong 10 tháng đầu năm 2020 đạt 1,55 tỷ USD, giảm 26,6% so với cùng kỳ năm 2019. Trong 10 tháng đầu năm 2020, hầu hết các thị trường đều có giá trị xuất khẩu tăng ngoại trừ thị trường Trung Quốc, Lào và Hồng Kông với mức giảm lần lượt là 26,6%, 11% và 4,8%. Giá trị xuất khẩu trong 10 tháng đầu năm 2020 giảm so với cùng kỳ năm 2019 do giá trị xuất khẩu của một số mặt hàng giảm, trong đó có thanh long - mặt hàng chiếm thị phần cao nhất (với 35,8% tổng giá trị xuất khẩu), đạt 977,2 triệu USD, giảm 10,3%; chuối đạt 148,4 triệu USD (chiếm 5,4%, giảm 13,1%); sầu riêng đạt 109,7 triệu USD (chiếm 4%, giảm 52,9%); dưa hấu đạt 35,6 triệu USD (chiếm 1,3%, giảm 36,5%); ...

Trong khi đó, ước giá trị nhập khẩu mặt hàng rau quả tháng 11/2020 đạt 111 triệu USD, đưa tổng giá trị mặt hàng rau quả nhập khẩu 11 tháng đầu năm 2020 đạt 1,16 tỷ USD, giảm 28,8% so với cùng kỳ năm 2019. Trung Quốc, Hoa Kỳ và Ôxtrâyliya là các thị trường cung cấp rau quả nhập khẩu lớn nhất cho Việt Nam. So với cùng kỳ năm 2019, giá trị nhập khẩu rau quả 10 tháng đầu năm 2020 từ thị trường Trung Quốc đạt 277,8 triệu USD, giảm 27,9%; Hoa Kỳ đạt 242 triệu USD, tăng 3,6% và Ôxtrâyliya đạt 91,4 triệu USD, giảm 2,9%.

3

Tại thị trường trong nước, giá một số loại rau củ trong tháng tại một số tỉnh miền Trung như Đà Nẵng, Quảng Nam đều tăng mạnh do mưa kéo dài khiến nguồn cung hạn chế. Cụ thể, tại TP Tam Kỳ, Quảng Nam, rau cải tăng từ 20.000 đồng/kg lên 50.000 đồng/kg, rau húng đã tăng lên 100.000 đồng/kg, rau muống, mồng tơi tăng từ 5.000 đồng/kg lên 20.000 đồng/kg.

Tại Lâm Đồng, giá hầu hết các loại rau quả tương đối ổn định trừ một số loại rau như su hào, ớt chuông tăng 4.000đ/kg. Nguyên nhân giá ớt tăng là do sản lượng giảm trong khi nhu cầu tăng đặc biệt chuẩn bị cho dịp Tết Nguyên đán sắp tới. Được biết trước đó giá ớt giảm đã khiến nhiều diện tích bị phá bỏ, đồng thời thời tiết mùa mưa không thích hợp với sinh trưởng ớt nên sản lượng giảm.

Giá chuối xanh thu mua đã tăng lên trên 12.000 đồng/kg và dự kiến sẽ còn tăng trong thời gian cuối năm khi Trung Quốc tăng cường thu mua tích trữ. Được biết, trước đó giá chuối ở mức thấp là do các cửa khẩu, lối mở trên địa bàn phải thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid-19, dừng hoặc tiến độ thông quan hàng hóa chậm.

Hiện nay đang vào vụ sầu riêng tại tỉnh Tiền Giang nhưng trái sầu riêng rất khan hiếm và giá cao ở mức kỉ lục (80.000 - 85.000 đồng/kg), thương lái phải đi đến từng vườn cây để thu mua nhưng không đủ cung cấp cho đối tác trong và ngoài nước. Nguyên nhân là do gần 70% vườn cây sầu riêng ở Tiền Giang bị thiệt hại bởi đợt hạn mặn lịch sử vừa qua.

3. Sản

Khối lượng xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản trong tháng 11 năm 2020 ước đạt 286 nghìn tấn với giá trị đạt 109 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản 11 tháng đầu năm 2020 ước đạt 2,44 triệu tấn và 874 triệu USD, tăng 10,2% về khối lượng và tăng 2,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Giá xuất khẩu sản và sản phẩm sản bình quân 10 tháng đầu năm 2020 ước đạt 353,8 USD/tấn, giảm 9,3% so với cùng kỳ năm ngoái.

Về cơ cấu sản phẩm: (i) Mặt hàng sản lát, xuất khẩu 11 tháng đầu năm 2020 tăng mạnh ước đạt 579 nghìn tấn, tương đương 134 triệu USD, tăng 71,1% về lượng và tăng 87,5% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Giá xuất khẩu sản lát bình quân 11 tháng ở mức 231,5 USD/tấn, tăng 9,6% so với mức giá 211 USD/tấn của cùng kỳ năm trước. (ii) Mặt hàng tinh bột sản, xuất khẩu 11 tháng đầu năm 2020 ước đạt 1,86 triệu tấn với giá trị 740 triệu USD, giảm 0,8% về lượng và giảm 5,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Giá xuất khẩu bình quân tinh bột sản đạt 398 USD/tấn, giảm 4,7% so với cùng kỳ năm trước.

Về cơ cấu thị trường, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu chủ lực trong 10 tháng đầu năm 2020 khi chiếm 90,8% trong thị phần xuất khẩu sản và sản phẩm sản của Việt Nam. Cụ thể, tổng sản lượng xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang Trung Quốc 10 tháng đầu năm 2020 đạt 1,95 triệu tấn, tương đương với 695 triệu USD, tăng 15,1% về sản lượng và tăng 3,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Đài Loan, Malaysia là hai thị trường tăng trưởng mạnh trong 10 tháng đầu năm 2020, với mức tăng trưởng về giá trị xuất khẩu lần lượt là 23% và 8% so với cùng kỳ năm ngoái. Nhờ việc Trung Quốc đẩy mạnh thu mua sản lát trong năm 2020 nhằm phục vụ cho ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi và ngành công nghiệp ethanol mà xuất khẩu sản lát của Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2020 đã gần chạm mốc 1 tỷ USD, tăng 104% về giá trị xuất khẩu so với cùng kỳ năm ngoái.

Trên thị trường thế giới, giá sản và sản phẩm sản cũng đang biến động tăng ở một số nước sản xuất chính. Hiệp hội tinh bột sản Thái Lan đã tăng giá sản xuất khẩu tinh bột sản lên mức 470 USD/tấn, trong khi giá thu mua tinh bột sản cũng được điều chỉnh lên mức 13,4 Baht/kg. Tại Campuchia, do thiên tai gây mất mùa nên giá sản đầu vụ được đẩy lên cao hơn nhiều so với các năm trước đây. Hiện giá sản tươi đạt mức 160 Riel/kg (tăng 60% so với mức 100 riel/kg cùng kỳ năm ngoái) và sản lát khô dao động ở mức 780-910/kg riel tùy chất lượng.

Tại thị trường trong nước, giá sản nguyên liệu đến giữa tháng 11 tại khu vực miền Trung, Tây Nguyên tiếp tục xu hướng tăng (giá sản nguyên liệu tại Tây Ninh tăng lên mức khoảng 3.000 đồng/kg) do nguồn cung hạn chế, các nhà máy không đủ nguyên liệu để sản xuất hết công suất.

Một số nhận định và dự báo: Nguồn cung khan hiếm do lũ lụt tại Việt Nam và Campuchia kết hợp với yếu tố cầu tăng cao đã tạo đà cho giá các mặt hàng sản tiếp tục tăng. Hiện Việt Nam đang bước vào vụ thu hoạch sản tuy nhiên do thiên tai gây mưa lớn kéo dài trên diện rộng sẽ ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng sản niên vụ 2020-2021, gây áp lực lên nguồn cung trong thời gian tới. Dự báo từ nay đến cuối năm thị trường sản sẽ vẫn sôi động do nhu cầu của Trung Quốc tăng cao.

4. Cà phê

Xuất khẩu cà phê tháng 11 năm 2020 ước đạt 70 nghìn tấn với giá trị đạt 137 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu cà phê 11 tháng đầu năm 2020 đạt 1,41 triệu tấn và 2,46 tỷ USD, giảm 3,9% về khối lượng và giảm 2,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Đức, Hoa Kỳ và Italy tiếp tục là ba thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2020 với thị phần lần lượt là 13,1% (đạt 303,8 triệu USD), 9,3% (đạt 215,5 triệu USD) và 8,4% (đạt 196 triệu USD) trong 10 tháng đầu năm 2020. Giá trị xuất khẩu cà phê tăng mạnh tại các thị trường: Ba Lan (tăng 35,4%, đạt 33,6 triệu USD), Nhật Bản (tăng 16,5%, đạt 159 triệu USD) và Malaysia (tăng 14,3%, đạt 60,3 triệu USD). Ngược lại, giá trị xuất khẩu cà phê giảm tại thị trường Anh (giảm 33,3%, chỉ đạt 44,2 triệu USD). Giá cà phê xuất khẩu bình quân 10 tháng đầu năm 2020 đạt 1.733,1 USD/tấn, tăng 0,6% so với cùng kỳ năm 2019. Ước tháng 11/2020, giá cà phê xuất khẩu bình quân đạt 1.957 USD/tấn, tăng 6% so với tháng 10/2020 và tăng 11,8% so với cùng kỳ năm 2019. Lũy kế 11 tháng đầu năm 2020, giá cà phê xuất khẩu bình quân đạt 1.744 USD/tấn.

Trong tháng 11/2020, giá cà phê thế giới trên các sàn phái sinh biến động tăng. So với tháng trước, giá cà phê Robusta giao tháng 11/2020 thị trường London tăng 26 USD/tấn lên 1.365 USD/tấn, giá giao tháng 1/2021 tăng 43 USD/tấn lên 1.409 USD/tấn, giá giao tháng 3/2021 tăng 35 USD/tấn lên mức 1.411 USD/tấn. Mặc dù Việt Nam đang bước vào mùa thu hoạch cà phê nhưng do cơn bão số 9 và số 10 đổ bộ trực tiếp vào Tây Nguyên làm giảm lượng cung, khiến giá cà phê Robusta tăng cao. Tại sàn New York, giá cà phê Arabica tăng trưởng trung bình 8%, giá giao tháng 12/2020 đạt mức 2.542 USD/tấn và giá giao tháng 3/2021 là 2.600 USD/tấn. Giá cà phê tăng do thông tin thời tiết khô hạn có khả năng làm sản lượng cà phê Brazil vụ tới sụt giảm ít nhất 25%. Ngoài ra, nhiều cơn bão lớn đổ bộ vào vùng Trung Mỹ - vùng sản xuất Arabica lớn của thế giới nhiều khả năng sẽ tiếp tục hỗ trợ cho giá Arabica tăng trong thời gian tới.

Thị trường cà phê trong nước giữ ổn định trong tháng qua. Giá cà phê vối nhân xô các tỉnh Tây Nguyên hiện ở mức 32.500 – 33.000 đ/kg, tăng 400 – 700 đồng/kg so với tháng trước. Giá cà phê cao nhất ở khu vực tỉnh Đắk Lắk và thấp nhất tại khu vực tỉnh Lâm Đồng. Cà phê Robusta giá FOB tại cảng thành phố Hồ Chí Minh đạt mức 34.700 đồng/kg, giảm 200 đồng so với trung tuần tháng 11 năm 2020. Giá cà phê được

dự báo sẽ tiếp tục xu hướng tăng bởi diễn biến của thời tiết ở miền Trung và Tây Nguyên tương đối phức tạp, sẽ làm ảnh hưởng nhiều đến nguồn cung trong nước. Cà phê chín muộn do mưa nhiều sẽ đẩy thời gian thu hoạch kéo dài.

Một số nhận định và dự báo: (1) Trước những rủi ro do đợt bùng phát Covid-19 từ cuối tháng 10/2020 có thể ảnh hưởng đến sức tiêu thụ cà phê toàn cầu, đặc biệt là tại các nước kêu gọi giãn cách như Đức, Pháp, Bỉ, Áo hay Anh... khiến nhà hàng, quán bar đóng cửa. Nhưng tình hình nhập khẩu cà phê tại một số nước Châu Âu hay Hoa Kỳ trong tháng vẫn cho thấy những dấu hiệu khả quan do tăng cường nhập khẩu để chuẩn bị cho Lễ hội Giáng sinh truyền thống vào cuối năm 2020 và đầu năm 2021. Cà phê cũng là một trong những mặt hàng có mức tiêu thụ cao tại các thị trường này, đặc biệt là cà phê rang xay, hòa tan đang được các nước trên thế giới ưa chuộng do nhu cầu thưởng thức tại nhà tăng cao. Thời gian tới, nhu cầu cà phê hoà tan tiếp tục tăng có thể là yếu tố thúc đẩy cho ngành cà phê hoà tan trong nước phát triển và vươn lên nhờ lợi thế về nguồn nguyên liệu và sự chuyên biến tích cực từ thị trường. (2) Theo Hiệp hội Cà phê hạt Hoa Kỳ (GCA), tồn kho khả dụng tại các kho cảng đang giảm 4,14% xuống còn 368,2 nghìn tấn. Trong khi Lễ hội Giáng sinh và Năm mới đang đến gần, thị trường xuất khẩu cà phê Việt Nam được dự báo sẽ đạt mức tăng trưởng trong những tháng cuối năm 2020.

6

5. Chè

Khối lượng xuất khẩu chè tháng 11 năm 2020 ước đạt 12 nghìn tấn với giá trị đạt 20 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu chè 11 tháng đầu năm 2020 đạt 124 nghìn tấn và 200 triệu USD, tăng 1,2% về khối lượng nhưng giảm 5,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Trong 11 tháng đầu năm 2020, khối lượng chè xuất khẩu sang nhiều thị trường giảm do tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19, đặc biệt là hai thị trường chính, bao gồm Pakistan và Đài Loan, chiếm 48% thị phần xuất khẩu chè của Việt Nam. Cụ thể, Pakistan đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu chè của Việt Nam với 36,9% thị phần – giảm 5,9% về khối lượng và giảm 9,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Thị trường có giá trị xuất khẩu chè tăng mạnh nhất trong 10 tháng đầu năm 2020 là Ấn Độ với mức tăng gấp 3,87 lần.

Giá chè xuất khẩu bình quân 10 tháng năm 2020 đạt 1.613,2 USD/tấn, giảm 7,6% so với cùng kỳ năm 2019.

Tại Ấn Độ, giá chè tiếp tục giảm trong tháng qua mặc dù sản lượng giảm, nhu cầu ổn định và nhu cầu tiêu dùng ngoài trời gần đây tăng lên. Tuy nhiên, theo các chuyên gia trong ngành, giá có khả năng ổn định khi ngành bước vào năm mới với sự thâm hụt về sản lượng. Giá chè tại phiên đấu giá Mombasa cũng giảm khi khối lượng

chào bán tăng trong bối cảnh nhu cầu trên thị trường thế giới giảm. Nhu cầu đối với chè trên thị trường thế giới vẫn giảm do sự gián đoạn của Covid-19, điều này đã cản trở sự chuyển dịch của hàng hóa. Tuy vậy, với các loại chè chất lượng cao có xu hướng ngược lại, nhu cầu đối với các loại chè chất lượng cao tại phiên đấu giá của Hiệp hội Thương mại chè Coonoor (CTTA) Ấn Độ tăng do tình trạng thiếu chè tại phía Bắc Ấn Độ. Trong tháng 10/2020, khối lượng chè được bán ở các phiên đấu giá đạt 57 nghìn tấn, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm 2019. Giá bán bình quân trong tháng 10/2020 đạt 1.720 USD/tấn, tăng 40,7% so với cùng kỳ năm 2019.

Theo Cơ quan Phát triển chè Kê-ni-a (KTDA), thời tiết thuận lợi giúp sản lượng chè của Kê-ni-a, trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 10/2020, sản lượng chè nước này đạt 373,8 nghìn tấn, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm 2019. Giá chè bình quân bán tại các cuộc đấu giá trong thời gian từ tháng 7 đến tháng 10/2020 ở mức 1,89 USD/kg, giảm từ mức giá 2,01 USD/kg trong cùng kỳ năm 2019. Giá chè giảm do dịch Covid-19 khiến xuất khẩu bị gián đoạn và dẫn tới tình trạng dư cung trên toàn cầu.

Tại thị trường trong nước, giá chè nguyên liệu trong tháng 11 ổn định. Tại Thái Nguyên, giá chè cành chất lượng giữ giá ở mức 190.000 đ/kg, chè xanh búp khô 90.000 đ/kg, chè xanh búp khô (đã sơ chế loại 1) 120.000 đ/kg. Tại Bảo Lộc (Lâm Đồng), giá chè cành 9.800 đ/kg, chè hạt tặng nhẹ 100 đ/kg lên 7.600 đ/kg.

6. Tiêu

Khối lượng tiêu xuất khẩu tháng 11 năm 2020 ước đạt 21 nghìn tấn với giá trị đạt 54 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu tiêu 11 tháng đầu năm 2020 đạt 263 nghìn tấn và 597 triệu USD, giảm 1,8% về khối lượng và giảm 11,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Ba thị trường xuất khẩu tiêu lớn nhất của Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2020 là Hoa Kỳ, Đức và Ấn Độ chiếm 31,2% thị phần tổng giá trị xuất khẩu tiêu. Thị trường có giá trị xuất khẩu tiêu tăng mạnh nhất trong 10 tháng đầu năm 2020 là Myanmar (tăng 23,3%). Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu tiêu giảm mạnh nhất là Ấn Độ (giảm 42,9%). Giá tiêu xuất khẩu bình quân 10 tháng năm 2020 đạt 2.246,2 USD/tấn, giảm 11,2% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong tháng 10/2020, xuất khẩu tiêu sang Hoa Kỳ và EU có xu hướng tăng cả về giá trị và sản lượng so với tháng trước và so với tháng 10/2019. Cụ thể:

Tại thị trường Hoa Kỳ, xuất khẩu hồ tiêu tháng 10/2020 đạt 5 nghìn tấn tương đương 12,7 triệu USD, tăng 19% về lượng và tăng 18% về giá trị so với tháng 9/2020; tăng 17% về lượng và tăng 10% về giá trị so với tháng 10/2019. Trong năm 2020, xuất khẩu tiêu giảm sâu vào tháng 1 năm 2020 do tác động nặng nề của dịch Covid-19, tuy nhiên nhờ nỗ lực của toàn ngành nên xuất khẩu hồ tiêu sang Hoa Kỳ vẫn đạt tốc độ tăng trưởng tốt, đến hết 10 tháng đầu năm 2020 xuất khẩu tiêu đạt 47,4 nghìn tấn, tăng 6% so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, chịu áp lực dư cung và xu hướng giảm giá

chung của thị trường thế giới nên giá trị xuất khẩu trong 10 tháng đầu năm 2020 chỉ đạt 118,6 triệu USD, giảm 3% so với năm ngoái.

Tại thị trường EU, xuất khẩu hồ tiêu tháng 10/2020 đạt 2,5 nghìn tấn tương đương 7.2 triệu USD, tăng 35% về lượng và 28% về giá trị so với tháng 9 năm 2020. So với cùng kì năm 2019 thì tăng 30% về lượng và 28% về giá trị. Tính chung cả 10 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu hồ tiêu sang EU đạt 26 nghìn tấn với giá trị 70,87 triệu USD tăng 3% về lượng nhưng giảm 7% về giá trị so với cùng kì năm ngoái. Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU trong tháng 10 cũng không có nhiều khả quan khi giảm 5% về mức 2.863 USD/tấn so với tháng 9/2020; tính bình quân 10 tháng đầu năm 2020 của Việt Nam giá tiêu xuất khẩu chỉ đạt 2.722 USD/tấn, giảm 9% so với cùng kì năm 2019. Hiện dịch bệnh tại châu Âu vẫn diễn biến khá phức tạp. Làn sóng lây nhiễm mới tại châu Âu rất đáng lo ngại khi hơn 50% các nước Liên minh châu Âu (EU) đang ở mức cảnh báo đỏ về Covid-19. Một số nền kinh tế hàng đầu châu Âu như Đức, Anh và Italy đang nỗ lực đẩy mạnh các biện pháp phòng dịch với hy vọng sẽ tránh được việc phải áp đặt lệnh phong tỏa trên diện rộng. Bên cạnh áp lực từ dịch Covid-19 đến ngành tiêu xuất khẩu sang EU thì việc Việt Nam tham gia ký kết Hiệp định Thương mại tự do EVFTA đang đặt ngành hạt tiêu nước ta trước những cơ hội và thách thức mới. Trong đó, vấn đề rào cản kỹ thuật và vệ sinh an toàn thực phẩm cần được chú trọng.

8

Trên thị trường thế giới, giá hồ tiêu ổn định ở Malaysia và Trung Quốc, nhưng tăng hầu hết ở các nước sản xuất khác như Braxin, Ấn Độ, Indonesia và Việt Nam. Giá tiêu giao ngay trên sàn Kochi, thị trường Ấn Độ tăng 578 Rs/ tạ lên mức 35.000 Rs/tạ. Giá hạt tiêu tăng trong thời gian tới do sản lượng tại một số nước sản xuất lớn giảm. Nhiều vùng trồng hạt tiêu của Việt Nam bị ảnh hưởng do bão, trong khi lượng hàng tồn kho không còn nhiều.

Tại thị trường hạt tiêu trong nước giá hạt tiêu đen tăng mạnh so với tháng 10 do ảnh hưởng của mưa lũ đến các vùng trồng trọng điểm. Giá tiêu tại Bà Rịa Vũng Tàu tăng 3.000 đ/kg lên mức 57.500 đ/kg. Giá tiêu tại Đắk Lắk, Đắk Nông tăng 3.500 đ/kg lên 56.000 đ/kg. Giá tiêu tại Đồng Nai tăng 3.000 đ/kg lên 55.000 đ/kg. Giá tiêu tại Gia Lai tăng 2.500 đ/kg lên 54.500 đ/kg. Tình trạng mưa lũ đe dọa các vườn trồng hạt tiêu trước nguy cơ bùng phát dịch bệnh. Do đó, khả năng tái canh cây tiêu thấp. Tỉnh Đắk Nông được dự báo sản lượng tốt và ổn định so với các vùng trồng hạt tiêu khác trong kỳ thu hoạch mới. Mặc dù vậy, dự báo sản lượng hạt tiêu của tỉnh Đắk Nông vẫn có khả năng giảm từ 10-15%.

Một số nhận định và dự báo: Từ nay đến cuối năm, xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam khó có thể đạt được mức tăng trưởng cao so với cùng kì năm ngoái do dịch Covid-19 vẫn lan rộng tại các nước nhập khẩu chính. Tuy nhiên, giá xuất khẩu được kỳ vọng tốt hơn trong cuối năm khi diện tích và sản lượng tiêu ở nhiều vùng trồng

trọng điểm dự kiến giảm mạnh do ảnh hưởng của thiên tai và dịch bệnh. Đây sẽ là tín hiệu tốt đối với ngành hàng hồ tiêu khi chịu áp lực dư cung suốt mấy năm qua.

7. Điều

Trong tháng 11/2020, khối lượng điều nhân Việt Nam xuất khẩu ước đạt 50 nghìn tấn với giá trị 310 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu hạt 11 tháng đầu năm 2020 đạt 468 nghìn tấn và 2,94 tỷ USD, tăng 13,2% về khối lượng nhưng giảm 1,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Hoa Kỳ, Hà Lan và Trung Quốc vẫn là ba thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam trong 10 tháng đầu năm, chiếm thị phần lần lượt là 32,3%, 14,5% và 12,6% tổng giá trị xuất khẩu hạt điều. Giá trị xuất khẩu điều tăng mạnh nhất tại thị trường Nhật tăng 62,1%, ngược lại thị trường có giá trị xuất khẩu điều giảm mạnh nhất là Tây Ban Nha giảm 33,3%. Giá hạt điều xuất khẩu bình quân 10 tháng đầu năm 2020 đạt 6.290 USD/tấn, giảm 13,3% so với cùng kỳ năm 2019.

Khối lượng điều thô nhập khẩu trong tháng 11/2020 ước đạt 73 nghìn tấn với giá trị đạt 87 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu hạt điều 11 tháng đầu năm 2020 đạt 1,27 triệu tấn và 1,56 tỷ USD, giảm 16,9% về khối lượng và giảm 23% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Thị trường nhập khẩu hạt điều chính trong tháng 10 năm 2020 là Bờ Biển Ngà, Campuchia và Gana. Giá trị hạt điều nhập khẩu từ 3 thị trường này trong 10 tháng đầu năm 2020 đều giảm so với cùng kỳ năm 2019, với mức giảm lần lượt là 28,5%, 8,4% và 24,6%.

Tại thị trường trong nước, giá điều nguyên liệu biến động tăng nhẹ trong tháng 10/2020. Cụ thể, điều khô mua xô tại Bình Phước tăng từ 29.000 đ/kg lên 31.000 đ/kg; tại Đồng Nai, điều thô mua xô giảm từ 32.000 đồng/kg xuống còn 30.000 đồng/kg.

Trên thị trường thế giới, khoảng 40% hạt điều vụ mới của Tanzania đã bán hết. Modambich sẽ quyết định số lượng xuất khẩu, chỉ sau khi đáp ứng đầy đủ yêu cầu của thị trường nội địa. Trong khi đó, thời tiết sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc quyết định vụ thu hoạch còn lại của Indonesia. Thiếu hụt nguồn cung hạt điều thô là một cơ hội lớn cho các nhà đầu cơ. Thị trường đang có nhu cầu vốn khổng lồ. Nhiều nhà đầu cơ mới sẽ cố gắng tận dụng cơ hội mới xuất hiện. Năm 2021 có thể trở thành một năm của sự cạnh tranh đối với cả điều thô cũng như điều nhân. Các nhà chế biến điều Ấn Độ đang bán ra trên thị trường nội địa với giá 4 USD/lb đối với điều W320. Bất kể lượng tiêu thụ cho lễ hội Diwali thế nào, người mua buôn đang cố hết sức để thu mua càng nhiều càng tốt do dự đoán mùa đông năm nay sẽ rất lạnh.

Đối với thị trường điều thô, trong tuần đầu tiên của tháng 11 các giao dịch có xu hướng chậm lại vì một số nhà thương mại điều thô đã bán hết lượng hàng trúng thầu từ đầu tháng 10/2020. Chính phủ Tanzania đã hủy một số phiên đấu giá do giá chưa đạt như họ kỳ vọng. Tính đến hết ngày 3 tháng 11/2020 đã có khoảng 87.521 tấn

điều thô của Tanzania đã được bán ra trong các phiên đấu giá với mức giá dao động từ 1430-1500 USD/ tấn CNF HCM cho các nhà thương mại điều thô.

Thị trường điều nhân tương đối trầm lắng, một phần do lượng tồn kho lớn ở Hoa Kỳ và EU, ngoài ra còn bị sự tác động bởi làn sóng Covid -19 thứ 3 bùng phát mạnh những ngày gần đây. Hiện nay các nhà nhập khẩu và các nhà rang chiên, siêu thị đang tập trung vào việc lưu thông, vận chuyển hàng hóa đúng hạn và ổn định đến người tiêu dùng vì việc vận chuyển hàng bằng đường biển, đường bộ gặp nhiều khó khăn do phong tỏa gây ra. Nhu cầu từ thị trường Trung Quốc tương đối tốt, các nhà nhập khẩu Trung Quốc mua điều nhân cả loại chất lượng loại 1 và loại 2. Giá giao dịch điều nhân (FOB HCM) giao động ở mức 6.283 đến 7.054 USD/tấn đối với mã W320, tùy từng nhà máy, mã W240 ở mức 7.385 đến 7.826 USD/tấn.

Một số nhận định và dự báo: (1) Xuất khẩu điều nhân của Việt Nam trong những tháng còn lại của năm 2020 sẽ vẫn tiếp tục tăng, do nhu cầu phục vụ các dịp lễ tết cuối năm của các nước nhập khẩu lớn như Hoa Kỳ, Ấn Độ, EU và Trung Quốc. Bên cạnh đó giá điều nhân dự kiến có xu hướng tăng, vì lượng cung điều nhân ở Việt Nam không còn nhiều trong khi giá mua điều thô vẫn đang cao không cân đối được với giá điều nhân, nên các nhà chế biến rất thận trọng trong việc nhập điều thô. (2) Nhờ tác động của hiệp định EVFTA, những sản phẩm chế biến sâu từ điều nhân đã được giảm thuế xuống còn 0%, trước khi hiệp định có hiệu lực điều chế biến của Việt Nam xuất sang thị trường EU vẫn phải chịu mức thuế từ 7% đến 12%. Nhờ đó dù chịu tác động đáng kể từ dịch bệnh nhưng sản lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này sụt giảm không đáng kể. Một chi tiết đáng chú ý là trong điều khoản của hiệp định EVFTA về quy tắc xuất xứ thuần túy đối với điều nhân xuất khẩu của Việt Nam (mã HS 0801), tức là 100% nguồn điều thô nguyên liệu có xuất xứ từ thị trường Việt Nam. Tuy vậy, với những sản phẩm điều chế biến sâu EVFTA không yêu cầu xuất xứ thuần túy. Khi thuế suất nhập khẩu được xóa bỏ các nhà nhập khẩu sẽ được hưởng lợi từ việc giảm chi phí, đồng thời giá bán tại thị trường nhập khẩu cũng sẽ được điều chỉnh, điều này sẽ thúc đẩy chuyển dịch nhu cầu từ các mặt hàng điều thuộc các quốc gia không được ưu đãi về thuế sang điều Việt Nam.

8. Cao su

Khối lượng xuất khẩu cao su tháng 11/2020 ước đạt 200 nghìn tấn với giá trị 303 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su 11 tháng đầu năm 2020 đạt 1,51 triệu tấn và gần 2 tỷ USD, tăng nhẹ 0,4% về khối lượng nhưng giảm 1,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Trung Quốc, Ấn Độ và Hàn Quốc là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2020, chiếm thị phần lần lượt là 76,2%, 3,8% và 2,1%. Giá cao su xuất khẩu bình quân 10 tháng đầu năm 2020 đạt 1.294,7 USD/tấn, giảm 4,3% so với cùng kỳ năm 2019.

Ước tính khối lượng nhập khẩu cao su trong tháng 11/2020 đạt 127 nghìn tấn với giá trị đạt 163 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị cao su nhập khẩu 11 tháng đầu năm 2020 đạt 934 nghìn tấn và 1,22 tỷ USD, tăng 41,6% về lượng và tăng 12,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Campuchia (chiếm thị phần 23,8%), Hàn Quốc (15,3%), Nhật Bản (10,8%) là ba thị trường cung cấp cao su nhập khẩu chính cho Việt Nam. So với cùng kỳ năm 2019, giá trị nhập khẩu cao su từ thị trường Hàn Quốc và Nhật Bản giảm lần lượt 13,7% và 13,1%, trong khi nhập khẩu từ Campuchia tăng mạnh 126,8%

Thị trường mủ cao su nguyên liệu trong nước diễn biến tăng mạnh vào khoảng cuối tháng 10 và đầu tháng 11, sau đó giảm về cuối tháng. Tại Bình Phước, giá thu mua mủ nước tăng sau khi đạt mức cao 375 đồng/độ đã giảm xuống còn 300 đồng/độ vào ngày 18/11, mủ cao su giảm còn 12.000 đồng/kg. Giá mủ tại Đồng Nai tăng lên 13.000 đồng/kg.

Trên thị trường thế giới, giá cao su tại Sở Giao dịch hàng hóa kỳ hạn Osaka (OSE) tiếp tục đà tăng trong tháng 11, song mức tăng chỉ dao động trong phạm vi hẹp. Giá cao su tăng do các thị trường hàng hóa lớn hy vọng ngày càng cao về vắc-xin ngừa Covid-19 được phát triển thành công bởi hãng dược Pfizer (Hoa Kỳ). Kết thúc phiên giao dịch 16/11, giá cao su hợp đồng benchmark kỳ hạn tháng 4/2021 đạt 238,3 yên/kg, tăng 28,1 yên (tương đương 13,4%) so với phiên đầu tháng. Tuy nhiên, sau đó thị trường cao su quay đầu giảm do chịu tác động giảm giá từ thị trường cao su Thượng Hải. Cuối phiên 18/11, hợp đồng benchmark kỳ hạn tháng 4/2021 chỉ còn 222,7 Yên/kg.

Giá cao su physical trên thị trường châu Á diễn biến tăng giảm trái chiều với thị trường kỳ hạn. Cụ thể, RSS3 Thái Lan ngày 19/11 ở mức 2,25 USD/kg, giảm 0,11 USD/kg; STR20 Thái Lan ở mức 1,56 USD/kg, tăng 0,03 USD/kg; SMR20 Malaysia ở mức 1,57 USD/kg, tăng 0,04 USD/kg; SIR20 Indonesia ở mức 1,58 USD/kg, tăng 0,03 USD/kg so với ngày 5/11.

Hiệp hội Các nước sản xuất cao su thiên nhiên (ANRPC) trong báo cáo mới nhất vừa công bố giữa tháng 10 dự báo xu hướng giá cao su tăng sẽ còn tiếp diễn trong các tháng tới, chủ yếu do lĩnh vực sản xuất của Trung Quốc tiếp tục hồi phục, giữa bối cảnh doanh số bán ô tô ở Ấn Độ cũng tăng và Hoa Kỳ sẽ tung thêm chương trình kích thích kinh tế mới. Tháng 9 vừa qua đánh dấu tháng đầu tiên ngành ô tô hồi phục gần như trên khắp toàn cầu, sau giai đoạn dài sa sút do dịch bệnh.

Ngành ô tô Trung Quốc hồi phục sớm nhất, ngay từ mùa Hè, và hiện đã có 3 tháng liên tiếp doanh số bán xe mới tăng trưởng. Tiêu thụ xe chở khách của Trung Quốc tháng 9/2020 tăng 7,3% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 1,91 triệu chiếc. Đặc biệt, tiêu thụ ô tô khách của Ấn Độ trong tháng 9/2020 tăng mạnh 31,2% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng nhiều nhất trong vòng 27 tháng. Tiêu thụ xe hơi ở các thị

trường Hoa Kỳ, châu Âu... cũng bắt đầu hồi phục sau giai đoạn giảm mạnh vì chính sách phong tỏa chống Covid-19.

Theo Reuters, Bộ Thương mại Trung Quốc hôm 23/10 cũng đã thông báo sẽ áp dụng các biện pháp chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm cao su nhập khẩu từ Hoa Kỳ, Hàn Quốc và Liên minh châu Âu kể từ 28/10. Động thái này được đưa ra sau khi Trung Quốc đã tiến hành điều tra từ tháng 6/2019, kì vọng sẽ củng cố thêm đà tăng của giá cao su.

Một số nhận định và dự báo: (1) Triển vọng tiêu thụ cao su tự nhiên thế giới cho cả năm 2020 sẽ đạt 12,61 triệu tấn, tăng so với mức 12,54 triệu tấn của dự báo đưa ra trước đó. Lí do điều chỉnh tăng bởi nhận định lạc quan hơn về thị trường Trung Quốc sau những số liệu kinh tế mới công bố gần đây. ANRPC đồng thời cũng nâng dự báo về triển vọng tiêu thụ cao su ở Ấn Độ khi các hoạt động sản xuất tại quốc gia Nam Á này dần phục hồi, nhất là lĩnh vực cao su. (2) Về nguồn cung, sản xuất cao su thiên nhiên năm nay gặp khó khăn do dịch bệnh làm khan hiếm nhân lực lao động và gây khó khăn cho việc vận chuyển. Sản lượng cao su thiên nhiên thế giới đã giảm 8,7% trong 8 tháng đầu năm 2020, xuống 7,778 triệu tấn, và dự báo sẽ giảm tiếp 3,8% trong 4 tháng còn lại của năm 2020. ANRPC dự báo sản lượng cả năm 2020 sẽ giảm 6,8% so với năm 2019, xuống 12,901 triệu tấn, chủ yếu do sự sụt giảm ở Thái Lan và Ấn Độ. (3) Nguồn cung cao su giảm, trong khi tiêu thụ được dự báo tăng sẽ thúc đẩy thương mại và giá cao su xuất khẩu của Việt Nam. Dự báo, trong những tháng cuối năm 2020, xuất khẩu cao su của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng.

9. Sản phẩm chăn nuôi

Giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi tháng 11 năm 2020 ước đạt 33 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi 11 tháng đầu năm 2020 ước đạt 297 triệu USD, giảm 18,5% so với cùng kỳ năm 2019. Trong 10 tháng đầu năm 2020 giá trị xuất khẩu sữa và các sản phẩm từ sữa đạt 81,49 triệu USD, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm 2019; Giá trị xuất khẩu thịt và phụ phẩm dạng thịt động vật đạt 75,53 triệu USD, giảm 44,6% so với cùng kỳ năm 2019; Giá trị xuất khẩu mật ong đạt 58,23 triệu USD, tăng 38% so với cùng kỳ năm 2019.

Giá lợn nạc giao tháng 10/2020 thị trường Chicago, Mỹ biến động giảm trong tháng qua với mức giảm 1,45 UScent/lb (~ 741 đ/kg) xuống còn 64,125 UScent/lb (~ 32.770 đ/kg). Giá thịt lợn giảm do lo lắng về nhu cầu đối với thịt bò và thịt lợn trong bối cảnh số ca nhiễm Covid-19 tăng cao trên khắp nước Mỹ đe dọa nhiều nhà hàng và dịch vụ ăn uống phải đóng cửa và buộc nhiều người Mỹ phải ở nhà.

Tại thị trường trong nước, trong tháng 11/2020, giá lợn hơi tại các khu vực đều biến động giảm. Giá lợn hơi tại miền Bắc dao động trong khoảng 64.000 - 66.000 đ/kg, giảm 4.000 – 7.000 đ/kg so với tháng trước. Cụ thể, Giá lợn hơi tại Tuyên Quang ở mức 65.000 đ/kg, trong khi đó mức giá tại địa phương như Hà Nội, Yên Bái, Thái

Nguyên, Phú Thọ và Thái Bình hiện cùng ở mức 66.000 đ/kg. Mức giá thấp nhất khu vực được ghi nhận là tại Hà Nam, giữ ở ngưỡng 64.000 đồng/kg.

Tại khu vực miền Trung, Tây Nguyên, giá thu mua lợn hơi hiện dao động trong khoảng 65.000 - 72.000 đ/kg, giảm 2.000 đ/kg so với tháng trước. Cụ thể, các tỉnh Thừa Thiên-Huế, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Đắk Lắk và Ninh Thuận được ghi nhận có mức giá cao nhất là 72.000 đ/kg cùng với. Trong khi đó giá lợn hơi tại Bình Thuận thấp hơn, ở mức 71.000 đ/kg.

Giá lợn hơi tại miền Nam dao động trong khoảng 71.000 - 75.000 đ/kg, giảm 2.000 - 5.000 đ/kg so với tháng trước. Cụ thể, giá lợn hơi tại Trà Vinh, giao dịch ở mức 74.000 đ/kg, tại Đồng Tháp là 75.000 đ/kg. Mức giá giao dịch thấp nhất được ghi nhận trong tháng là 71.000 đ/kg tại Đồng Nai, Bình Dương và Tây Ninh.

Giá các sản phẩm gia cầm bán tại trại biến động tăng tại các vùng miền trong tháng qua. Giá gà thịt lông màu khu vực miền Bắc tăng 5.000 đ/kg so với tháng trước, lên mức dao động quanh 45.000 - 50.000 đ/kg. Giá gà thịt lông màu khu vực miền Trung giữ ở mức 32.000 - 34.000 đ/kg. Tại khu vực miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ, giá gà thịt lông màu tăng cũng 4.000 - 7.000 đ/kg so với tháng trước, lên mức 31.000 - 32.000 đ/kg. Giá gà công nghiệp miền Bắc tăng 2.000 đ/kg lên mức 21.000 đ/kg. Giá gà công nghiệp miền Trung tăng 8.000 đ/kg, hiện ở mức 25.000 đ/kg. Giá gà công nghiệp miền Đông và Tây Nam Bộ tăng 6.000 đ/kg lên mức 27.000 đ/kg.

Giá trứng gà miền Bắc tăng 50 đ/quả so với tháng trước lên 1.600 - 1.850 đ/quả. Giá trứng gà miền Trung giảm 50 đ/quả xuống còn 1.600 - 1.900 đ/quả. Giá trứng gà miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ tăng 150 - 200 đ/quả, hiện ở mức 1.500 - 1.700 đ/quả.

10. Thủy sản

Giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 11 năm 2020 ước đạt 800 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu thủy sản 10 tháng đầu năm 2020 đạt gần 7.75 tỷ USD, giảm 0,9% so với cùng kỳ năm 2019. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc là 4 thị trường nhập khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2020, chiếm 59,6% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Trong 10 tháng đầu năm 2020, thị trường có giá trị xuất khẩu thủy sản tăng mạnh nhất là Anh (tăng 5,1%). Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu thủy sản giảm mạnh nhất là Thái Lan (giảm 16,3%).

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu thủy sản trong 10/2020 tiếp tục phục hồi khi tăng 10,3% so với cùng kỳ năm 2019, đạt 978,86 triệu USD. Tuy nhiên, tính chung 10 tháng năm 2020, xuất khẩu thủy sản vẫn giảm 1,5% so với cùng kỳ năm 2019, đạt 6,95 tỷ USD. Xuất khẩu thủy sản sang hầu hết các thị trường lớn tăng so với cùng kỳ năm 2019, trừ xuất khẩu sang Nhật Bản và Hàn Quốc giảm nhẹ. Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong tháng

10/2020, đạt 172,84 triệu USD, tăng 21,7% so với cùng kỳ năm 2019; Trung Quốc đạt 157,6 triệu USD, tăng 9,9%; EU đạt 105,1 triệu USD, tăng 20,9%.

Về các mặt hàng xuất khẩu, tháng 10/2020, giá trị xuất khẩu tôm đạt 418,99 triệu USD, tăng 21,4% so với cùng kỳ năm 2019; cua, ghẹ và giáp xác khác đạt 20,99 triệu USD, tăng 24%; nhuyễn thể đạt 70,15 triệu USD, tăng 15%; cá tra đạt 174,64 triệu USD, giảm 3% và cá ngừ đạt 59,26 triệu USD, giảm 5,4%

Ước giá trị nhập khẩu mặt hàng thủy sản tháng 11/2020 đạt 135 triệu USD, đưa tổng giá trị thủy sản nhập khẩu 11 tháng đầu năm 2020 đạt 1,59 tỷ USD, giảm 1,4% so với cùng kỳ năm 2019. Nguồn nhập khẩu thủy sản trong 10 tháng đầu năm 2020 chủ yếu là từ Ấn Độ (chiếm tỷ trọng 14,4%), Na Uy (11,1%), Nhật Bản (9,2%). So với cùng kỳ năm 2019, giá trị nhập khẩu thủy sản của Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2020 từ Ấn Độ tăng 27,3%, Nhật Bản tăng 21,1%, trong khi nhập khẩu từ Na Uy giảm 7,6%.

Theo số liệu mới nhất của Cục Nghề cá biển Hoa Kỳ (NMFS), giá trung bình của cá tra phile đông lạnh nhập khẩu trong tháng 9/2020 tại Mỹ là 2,68 USD/kg, giảm 1,47% so với tháng 8/2020 và thấp hơn 18,29% so với cùng kỳ năm 2019. Giá bình quân nhập khẩu tôm của Mỹ trong tháng 9/2020 đạt 8,68 USD/kg, tăng 1,99% so với tháng 7/2020 và tương đương so với cùng kỳ năm 2019.

Tại thị trường trong nước, giá cá tra nguyên liệu tại các tỉnh thuộc ĐBSCL trong tháng 11 tiếp tục giữ giá sau sự phục hồi từ tháng trước, dao động quanh mức 22.000-22.500 đ/kg đối với cá tra loại I (700-900g/con). Thời gian gần đây, giá cá nguyên liệu tăng do giá cả đầu ra xuất khẩu khởi sắc, đáp ứng nhu cầu gia tăng chủ yếu từ thị trường Trung Quốc. Nhiều doanh nghiệp cũng tăng cường mua cá tra nguyên liệu để chế biến, chuẩn bị phục vụ nhu cầu thị trường được dự báo tăng cao dịp Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán 2021. Ngoài ra, nguồn cung cá tra nguyên liệu tại nhiều địa phương có phần hạn chế vì thời gian qua giá ở mức quá thấp, nhiều hộ nuôi đã giảm diện tích nuôi hoặc nuôi với mật độ thấp.

Thị trường tôm nguyên liệu tại vùng ĐBSCL tiếp tục vững trong tháng qua, giá nhích nhẹ do nguồn cung giảm, các nhà máy điều chỉnh giá để thu mua nguyên liệu phục vụ nhu cầu xuất khẩu cuối năm. Tại Bạc Liêu, tôm sú ướp đá cỡ 20, 30, 40 con/kg tăng 10.000-15.000 đ/kg so với tháng 10 lên tương ứng 215.000 đ/kg, 185.000 đ/kg và 150.000 đ/kg. Giá tôm thẻ cỡ 60, 70 con/kg tăng 15.000 đ/kg lên lần lượt 115.000 đ/kg, 110.000 đ/kg, cỡ 100 con/kg tăng 8.000 đ/kg lên 82.000 đ/kg.

Một số nhận định và dự báo: Xuất khẩu tôm đang có nhiều cơ hội tăng thị phần tại hầu hết các thị trường khi nguồn cung tôm của nhiều quốc gia trên thế giới đang bị ảnh hưởng vì dịch Covid-19. Bên cạnh các lợi thế đến từ các FTAs song phương và đa phương và lợi thế do việc kiểm soát tốt dịch bệnh Covid-19 tạo ra tính ổn định trong hoạt động nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu, tôm Việt Nam cũng chịu cạnh tranh lớn từ Indonesia tại các thị trường Mỹ, EU, với Ấn Độ tại thị trường Nhật

Bản... Vì vậy, các doanh nghiệp cần lưu ý đảm bảo chất lượng ổn định để duy trì bền vững những lợi thế hiện có.

11. Gỗ và sản phẩm gỗ

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ (gỗ & SP gỗ) tháng 11 năm 2020 ước đạt 1,1 tỷ USD, đưa giá trị xuất khẩu gỗ & SP gỗ 11 tháng đầu năm 2020 đạt 10,88 tỷ USD, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm 2019. Hoa Kỳ, Nhật Bản và Trung Quốc là ba thị trường nhập khẩu gỗ & SP gỗ lớn nhất của Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2020 (chiếm 77,8% tổng giá trị xuất khẩu gỗ & SP gỗ). Trong 10 tháng đầu năm 2020 giá trị xuất khẩu gỗ & SP gỗ tăng trưởng mạnh tại các thị trường: Hoa Kỳ (tăng 1,36 tỷ USD tương đương tăng 32,3% so với cùng kỳ năm 2019), Trung Quốc (tăng 32,3 triệu USD tương đương tăng 3,4% so với cùng kỳ năm 2019), đặc biệt một số thị trường nhiều tiềm năng như Canada (tăng 24,9 triệu USD tương đương tăng 17% so với cùng kỳ năm 2019), Thái Lan (tăng 6,6 triệu USD tương đương tăng 20,2% so với cùng kỳ năm 2019). Ngược lại, một số thị trường có giá trị xuất khẩu gỗ & SP gỗ giảm mạnh như là Anh (giảm 72,5 triệu USD tương đương giảm 27,8% so với cùng kỳ năm 2019, Nhật Bản (giảm 36,9 triệu USD, tương đương giảm 3,4% so với cùng kỳ năm 2019).

15

Như vậy, mặc dù phải đối mặt với những khó khăn do đại dịch COVID-19 gây ra, 11 tháng đầu năm 2020 ngành gỗ Việt Nam vẫn có những bước tăng trưởng ấn tượng (tháng thứ 5 kim ngạch xuất khẩu gỗ & SP gỗ đạt trên 1 tỷ USD/tháng). Bên cạnh đó, nhờ giữ vững các thị trường truyền thống Trung Quốc, Hàn Quốc và EU (trường hợp thị trường EU là một ví dụ điển hình khi trong nhóm các nước nhiệt đới xuất khẩu đồ gỗ nội ngoại thất vào thị trường EU trong 10 tháng đầu năm 2020 chỉ có Việt Nam giữ vững được giá trị xuất khẩu vào thị trường này (chỉ giảm 1% so với năm 2019) trong khi các nước khác trong khu vực giảm mạnh (Thái Lan giảm 29%, Malaysia giảm 22%, Indonesia giảm 10% và Philippines giảm 9%). Ngoài ra, trong 11 tháng năm 2020 Việt Nam đã thúc đẩy phát triển một số thị trường tiềm năng như Canada, Thái Lan.

Giá trị nhập khẩu tháng 11/2020 ước đạt 235 triệu USD, đưa tổng giá trị gỗ & SP gỗ nhập khẩu trong 11 tháng đầu năm 2020 đạt gần 2,25 tỷ USD, giảm 2,4% so với cùng kỳ năm 2019. Trong 10 tháng đầu năm 2020, 31,7% trong tổng giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam là từ thị trường Trung Quốc, 12,9% từ thị trường Hoa Kỳ và 5% từ thị trường Thái Lan. Trong khi nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2020 từ thị trường Trung Quốc tăng trưởng 28,5%, Thái Lan tăng 10%, nhập khẩu từ thị trường Hoa Kỳ lại giảm 8,6%.

Liên quan đến việc hướng dẫn về nguồn gốc gỗ nhập khẩu, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định số 4832/QĐ-BNN-TCLN ngày 27/11/2020 về công bố Danh mục các loại gỗ đã nhập khẩu vào Việt Nam và Danh

sách vùng địa lý tích cực xuất khẩu gỗ vào Việt Nam làm cơ sở hướng dẫn doanh nghiệp nhập khẩu gỗ có nguồn gốc hợp pháp.

Một số nhận định và dự báo: (1) Đánh giá về nhu cầu thị trường tháng cuối năm 2020: các thị trường Hoa Kỳ, EU và Trung Quốc có những tín hiệu khả quan cho ngành gỗ của Việt Nam như: nền kinh tế Hoa Kỳ tăng trưởng mạnh trở lại trong quý 3, tiêu dùng tăng 41%, đầu tư tăng 20%, nhu cầu đồ gỗ gia dụng tiếp tục cao; cùng với đó GDP của các nước trong khối EU theo dự báo của Barclays tăng trưởng trở lại (khoảng 11.5% q/q trong quý 3), bên cạnh đó lực mua cũng tăng do tỷ giá đồng euro trên thị trường quốc tế tăng, cụ thể tỷ lệ euro/dolar tăng từ dưới 1.10 đến gần 1.20 trong khoảng tháng 5 đến tháng 8. Ngoài ra với nhiều dịp lễ hội cuối năm nên dự báo nhu cầu của người tiêu dùng sẽ có xu hướng tăng. (2) Từ cuối tháng 9 Trung Quốc đã đưa vào sử dụng Cảng quốc tế đường bộ Quảng Châu, đây là cảng đón các chuyến tàu trở gỗ nguyên liệu từ châu Phi về, kênh vận chuyển mới này được kỳ vọng sẽ làm giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh cho các sản phẩm gỗ của Trung Quốc, điều này phần nào sẽ ảnh hưởng đến ngành gỗ của Việt Nam khi Trung Quốc là đối thủ cạnh tranh chính trên thị trường quốc tế về đồ gỗ nội ngoại thất./.

MỘT SỐ THAY ĐỔI CHÍNH SÁCH TRÊN THỊ TRƯỜNG

1. Ngày 5/11/2020, EU đã thông báo lên WTO về việc thông qua và sửa đổi dư lượng tối đa cho phép (MRLs) đối với một loạt các loại thuốc trừ sâu được sử dụng trên cây trồng, bao gồm lúa mì, ngô và gạo (G/SPS/N/EU/379/Add.1; EU/443; EU/444).

2. Trong tháng 11/2020, Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản (Ministry of Health, Labour and Welfare) đã thông báo lên WTO về việc thông qua, sửa đổi hoặc đề xuất thiết lập, dư lượng tối đa cho phép đối với thuốc trừ sâu sử dụng trên các loại cây trồng, trong đó bao gồm lúa gạo, ngô, đậu tương... (G/SPS/N/JPN/713/Add.1; 717/Add.1; 718/Add.1; 734/Add.1; 737/Add.1; 738/Add.1; 741/Add.1 to 743/Add.1; 748/Add.1; 761/Add.1; 762/Add.1; JPN/790; JPN/800 to JPN/803).

3. Ngày 11/11/2020, Ai Cập đã ban hành Luật Hải quan mới nhằm tạo thuận lợi cho đầu tư nước ngoài và thương mại quốc tế bằng cách hài hòa và hợp lý hóa các hoạt động và thủ tục hải quan, nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm toán xuất nhập khẩu, đồng thời tận dụng các công nghệ hiện đại và hệ thống thông quan và lập hóa đơn điện tử (số 207/2020). Các quy định thực hiện dự kiến sẽ được ban hành trong vòng sáu tháng. Ngày 25/11, Bộ Tài chính cũng thông báo đã đệ trình Dự luật lên Quốc hội về việc miễn thuế VAT đối với hàng hóa nhập khẩu là lúa mì, bột đậu và các hàng hóa khác đối với dịch vụ vận tải đường biển.

4. Ngày 19/11/2020, Australia đã thông báo lên WTO về các biện pháp khẩn cấp bổ sung nhằm chống lại nguy cơ lây nhiễm ngày càng tăng do sự lây lan của bọ (khapra beetle) trong các container vận chuyển. Các yêu cầu về chứng nhận kiểm dịch thực vật dự kiến sẽ được thực hiện vào nửa cuối năm 2021 (G / SPS / N / AUS / 502 / Add.3).

5. Thông tin từ Bộ Công Thương, Ngày 21 tháng 8 năm 2020, Bộ Tài chính Ấn Độ ban hành Thông báo số 81/2020-Customs (N.T.) và Thông tư số 38/2020-Customs quy định về việc xác minh xuất xứ hàng hóa theo các Hiệp định thương mại mà Ấn Độ là thành viên. Các quy định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2020. Theo đó, cơ quan hải quan Ấn Độ có thẩm quyền yêu cầu nhà nhập khẩu cung cấp thông tin về xuất xứ của lô hàng bao gồm: tờ khai hải quan nhập khẩu, các chứng từ nhập khẩu, chi tiết các thông tin của Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O), quy trình sản xuất hàng hóa... Trường hợp nhà nhập khẩu không cung cấp được các thông tin, chứng từ nói trên, cơ quan hải quan Ấn Độ sẽ không cho hưởng thuế ưu đãi và tiến hành xác minh xuất xứ bắt buộc đối với tất cả các lô hàng từ cùng một nhà xuất khẩu cho đến khi đáp ứng yêu cầu xác minh từ hải quan Ấn Độ.

Thông tin về hai quy định nói trên của Ấn Độ tham khảo tại đường link: <https://taxguru.in/.../customs-administration-rules...>

6. Thông tin từ Thương vụ Việt Nam tại Thụy Điển, Ủy ban Châu Âu vừa công bố hướng dẫn cập nhật về Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam – EU (EVFTA), trong đó tập trung hướng dẫn về qui tắc xuất xứ.

Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ ngày 1/8/2020. Cho đến hết ngày 31/12/2022, GSP áp dụng cho Việt Nam song song với EVFTA, và do đó, doanh nghiệp có thể lựa chọn áp dụng ưu đãi nào có lợi nhất cho doanh nghiệp. Chi tiết <https://hnz.ded.myftpupload.com/wp-content/uploads/2020/11/2020.09-EVFTA-Guidance.pdf>

7. Thương vụ Việt Nam tại Thụy Điển cung cấp danh sách các doanh nghiệp nhập khẩu cà phê Bắc Âu. Chi tiết tại <https://vietnordic.com/2020/11/danh-sach-cac-doanh-nghiep-nhap-khau-ca-phe-bac-au/>